

Số: /QĐ-CCCNTY

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
Quý I năm 2024 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của phòng Hành chính-Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2024 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Hành chính - Tổng hợp và các phòng, trạm, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- CCT, Phó CCT;
- Các Phòng, Trạm thuộc Chi cục;
- Niêm yết tại bảng thông báo và Cổng thông tin điện tử của Chi cục;
- Lưu: VT, HCTH.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Đình Thịnh

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toánnăm 2024	Ước thực hiện quý 1 năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	5.352,33	1.369,63	25,6%	111,5%
1.1	Lệ phí	1,00	0,05	5,0%	14,3%
	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thú y	1,00	0,05	5,0%	14,3%
1.2	Phí	5.351,33	1.369,58	25,6%	111,5%
-	Phí kiểm tra lâm sàng động vật trên cạn	231,00	46,64	20,2%	103,5%
-	Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản	4.500,00	1.208,70	26,9%	111,1%
-	Phí kiểm soát giết mổ	584,43	104,68	17,9%	114,7%
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản	15,00	4,26	28,4%	214,1%
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	6,90	4,60	66,7%	
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	14,00	0,70	5,0%	25,0%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.814,80	1.232,55	25,6%	111,5%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	537,53	137,08	25,5%	111,0%
3.1	Lệ phí	1,00	0,05	5,0%	14,3%
	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thú y	1,00	0,05	5,0%	14,3%
3.2	Phí	536,53	137,03	25,5%	111,3%
-	Phí kiểm tra lâm sàng động vật trên cạn	23,10	4,66	20,2%	103,5%
-	Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản	450,00	120,87	26,9%	111,1%
-	Phí kiểm soát giết mổ	58,44	10,47	17,9%	114,7%
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản	1,50	0,43	28,4%	214,1%
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	0,69	0,46	66,7%	
-	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	2,80	0,14	5,0%	25,0%
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0,0	0,0		
1	Chi quản lý hành chính	3.240,13			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,0			

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.240,13			
-	Kinh phí đặc thù (KP Phòng chống dịch bệnh động vật)	2.913,43			
-	Tiết kiệm 10% Kinh phí đặc thù (KP Phòng chống dịch bệnh động vật)	323,70			
-	Kinh phí triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 (Kinh phí duy trì, cải tiến)	3,00			